

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/KDTM-ST
Ngày: 13-8-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Hợp

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần D.

Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng L, phường 3, Q. P, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T - Giám đốc phòng giao dịch Phú T (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 223/QĐ-DAB-PC ngày 19/3/2019).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, KV 7, P. B, Tp. Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, KV 7, P. B, Tp. Q, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị D - Chủ tịch Hội phụ nữ phường B (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 242 Âu Cơ, phường B, Tp. Q, tỉnh B.

- Bà Dương Thị Đ - Tổ trưởng tổ vay vốn khu vực 7 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, KV 7, phường B, Tp. Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Đình T trình bày: Ngày 01/08/2014 chị Nguyễn Thị Thanh M có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ - CN B - PGD Phú T theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/07/2014, có ông Nguyễn Văn T (cha ruột) là người bảo lãnh, được Ban chấp hành Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q xác nhận và được Ngân hàng xét duyệt cho vay ngày 01/08/2014 theo các nội dung sau:

Hợp đồng số: 0077332701T14068 ngày 01/08/2014, ngày đến hạn 01/08/2015; số tiền vay: 10.000.000đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất gộp: 12%/năm; Mục đích: Vay kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Tín chấp; Số tiền trả góp hàng tháng là 960.000 đồng trong 11 tháng đầu và tháng cuối trả 640.000đồng.

Với số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn như trên thì chị Nguyễn Thị Thanh M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 11.200.000đồng (trong đó, tiền gốc là 10.000.000đồng, tiền lãi là 1.200.000đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 17/12/2014, chị Nguyễn Thị Thanh M mới chỉ trả số tiền 960.000đồng (trong đó: trả gốc: 775.385 đồng, lãi trong hạn: 184.615 đồng).

Như vậy tính đến ngày 13/8/2020, khoản vay vốn nêu trên của chị M đã quá thời hạn thanh toán lãi vay và vốn kể từ ngày 01/08/2015. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ và làm việc xử lý thu hồi nợ nhưng chị M vẫn không trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh M phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi tính đến ngày 13/8/2020 là 18.894.545 đồng (trong đó, nợ gốc: 9.224.615 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.015.385 đồng; Lãi quá hạn: 8.654.545đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh. Nếu chị Nguyễn Thị Thanh M không trả nợ thì người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thay cho chị M với tổng số tiền như trên và tiền lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của pháp luật yêu cầu chị M và ông T đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng không đến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội Liên Hiệp Phụ Nữ phường B - Bà Nguyễn Thị D trình bày: Chị Nguyễn Thị Thanh M có đề nghị vay vốn Ngân hàng TMCP Đ, với số tiền 10.000.000đồng qua tổ vay vốn khu vực 7, phường B và bà có duyệt hồ sơ vay vốn của chị M sau khi cán bộ tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ và chị tổ trưởng Dương Thị Đ thẩm định hồ sơ cho vay. Ngân hàng giải ngân trực tiếp cho hộ vay tại Phòng giao dịch Phú T - Ngân hàng TMCP Đ và có sự chứng kiến của tổ trưởng. Sau khi vay chị M trả lãi thông qua tổ vay vốn phụ nữ khu vực 7 do bà Dương Thị Đ làm tổ trưởng và nộp cho Ngân hàng TMCP Đ – Phòng giao dịch Phú T.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị M phải trả gốc và lãi là đúng theo quy định của pháp luật. Hội Liên Hiệp Phụ Nữ phường B không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Đ trình bày: Bà làm tổ trưởng tổ vay vốn khu vực 7. Thực hiện quyết định của Hội phụ nữ phường B. Ngày 08/4/2014 sau khi triển khai cho vay các hộ vay trên địa bàn khu dân cư khu vực 7. Vào tháng 7/2014 bà có đề nghị Ngân hàng TMCP Đ xem xét và thẩm định cho chị Nguyễn Thị Thanh M vay với số tiền 10.000.000đồng. Sau khi vay chị M đã trả góp được một kỳ gốc và lãi là 960.000đồng. Sau đó chị M không trả nữa.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị M phải trả gốc và lãi là đúng theo quy định của pháp luật, bà không có ý kiến gì.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn chị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 335, 340, 342, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Buộc chị Nguyễn Thị Thanh M phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 18.894.545 đồng (trong đó, nợ gốc: 9.224.615 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.015.385 đồng; Lãi quá hạn tính đến ngày 13/8/2020: 8.654.545đồng).

- Chị Nguyễn Thị Thanh M còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết kể từ ngày 14/8/2020 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành xong.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Thanh M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh.

- Về án phí: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D và bà Dương Thị Đ đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:* Chị Nguyễn Thị Thanh M có vay Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch Phú T theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/07/2014, được Ban chấp hành Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q xác nhận và được Ngân hàng xét duyệt cho vay ngày 01/08/2014 và có ông Nguyễn Văn T (cha ruột) ký cam kết bảo lãnh cho chị M nếu chị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, với số tiền vay: 10.000.000đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất góp: 12%/năm; Mục đích: Vay kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Tín chấp; Trả góp hàng tháng là 960.000 đồng trong 11 tháng đầu và tháng cuối trả 640.000đồng. Sau khi vay chị Nguyễn Thị Thanh M chỉ trả được 960.000đồng (trong đó gốc: 775.385 đồng, lãi trong hạn: 184.615 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ và làm việc xử lý thu hồi nợ nhưng chị M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khế ước nhận nợ ngày 01/8/2014. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh M phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi tính đến ngày 13/8/2020 là 18.894.545 đồng (trong đó, nợ gốc: 9.224.615 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.015.385 đồng; Lãi quá hạn: 8.654.545đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh. Nếu chị Nguyễn Thị Thanh M không trả nợ thì người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn T phải trả nợ thay theo nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại **các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 335, 340, 342, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015** nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại các Điều 18, 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 335, 340, 342, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 18, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 18.894.545 đồng (trong đó, nợ gốc: 9.224.615 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.015.385 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 13/8/2020 là: 8.654.545đồng).

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thanh M còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 01/08/2014 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 14/8/2020 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành xong.

2. Nếu chị Nguyễn Thị Thanh M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị M theo hợp đồng mà các bên đã ký kết.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thanh M phải nộp 3.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007608 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Q;
- THA TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương